

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST
Ngày: 24/01/2019
V/v Khởi kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;

Ông Nguyễn Hữu Quy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2018/TLST- HC ngày 24 tháng 9 năm 2018, về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn T** (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T); địa chỉ: Khu phố S, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Văn H – Luật sư Công ty Luật V; địa chỉ: 146/1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày: 27/9/2018), có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ trụ sở: Số 118 đường H tháng T, khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Văn N - Phó Chủ tịch UBND huyện G là người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện (Văn bản uỷ quyền số: 1382/QĐ - UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đình C - Chủ tịch UBND thị trấn C, có mặt.

3.2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959, vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989, vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1992, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố S, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, anh H1, chị H2, chị H3 là ông Lê Văn H – Luật sư Công ty Luật V; địa chỉ: 146/1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

(Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2019), có mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Trần Đình C, trú tại: Khu phố T, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4.2. Ông Trần Thanh C, trú tại: Thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4.3. Ông Hồ Nhật T, có mặt.

4.4. Ông Bùi Đình C, có mặt.

Cùng trú tại: Khu phố N, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

4.5. Ông Nguyễn T, có mặt

4.6. Ông Bùi Xuân H, có mặt.

4.7. Ông Nguyễn Công A, có mặt.

Cùng trú tại: Khu phố S, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn T đề ngày 10/9/2018, sửa đổi, bổ sung ngày 28/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Được sự cho phép của UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị vào khoảng năm 1982 Binh đoàn 12 trực thuộc X34 làm kinh tế Quốc phòng để xây dựng hồ tôm có diện tích 2000m² tại xã G (nay là thị trấn C). Do nhiều nguyên nhân khách quan nên đơn vị X34 đã từ bỏ mà không tiếp tục xây dựng nữa. Đến năm 2001 toàn bộ diện tích tại khu vực trên vẫn hoang hóa, không có ai sử dụng. UBND xã G đã kêu gọi khuyến khích nhân dân đầu tư nuôi tôm xuất khẩu. Được sự đồng thuận của địa phương, ngày 06/9/2001 hộ gia đình ông Nguyễn T đã làm đơn xin cấp đất xây dựng hồ nuôi tôm với diện tích 6.488m², thời gian xin giao là 15 năm. Ngày 21/01/2002 UBND huyện G ban hành Quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T theo Quyết định số 48/2002/QĐ-UB và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 579571 diện tích 6.488m², tờ bản đồ số 21, thửa số 127, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2016, tại xã Gio H, huyện Gio L, tỉnh Quảng Trị. Hộ gia đình ông Nguyễn T sử dụng ổn định, liên tục không vi phạm quy hoạch, không có tranh chấp, thực hiện nghĩa vụ cho Nhà nước.

Ngày 04/9/2015 ông Nguyễn T đại diện hộ gia đình làm đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất gửi UBND huyện G có nội dung: Thay đổi tên lót tại trang 2 và gia hạn thời hạn sử dụng đất. Theo đó, ngày 28/6/2016 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện G gia hạn tiếp tục sử dụng đất cho hộ gia đình ông T đến ngày 01/12/2066. Tuy nhiên, UBND huyện G ban hành Kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 có nội dung cho rằng việc thôn, xã xác nhận hiện trạng sử dụng đất trước lúc xin giao cho hộ gia đình ông T là đất hoang do UBND xã quản lý là không đúng thực tế, dẫn đến việc cấp giấy CNQSD đất tại QĐ số 48/QĐ-UBND ngày 21/01/2002 cho hộ ông Nguyễn T là trái với quy định. Nên ngày 05/9/2018 UBND huyện G lại ban hành Quyết định số 2669/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao

đất và giấy CNQSD đất đã được UBND huyện cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T với lý do: *Quyết định giao đất và cấp giấy CNQSD đất không đúng theo quy định của pháp luật.*

Ngày 17/9/2018, UBND thị trấn C đã lập biên bản làm việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T chấm dứt mọi hoạt động nuôi trồng trên đất và thông báo số 413/TB-UBND ngày 26/9/2018 về việc tổ chức thực hiện giao đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Thanh T và yêu cầu hộ ông T tạm dừng việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và con giống mới ở thửa đất. Đồng thời, ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về việc đình chỉ mọi hoạt động đào, đắp, cải tạo tại hồ tôm đối với ông Nguyễn Thanh T.

Ông Nguyễn T thấy rằng: UBND xã G xác nhận diện tích đất xin giao là hoang hóa, đúng với thực tế lúc bấy giờ, phù hợp với quy hoạch; việc cấp đất đúng đối tượng và thời gian; UBND huyện giao đất cho hộ gia đình ông T là hợp pháp phù hợp với các Điều 19, 20, 21, 22; khoản 2 Điều 24 và Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh huyện G gia hạn tiếp tục sử dụng đất là phù hợp với Điều 126 Luật đất đai năm 2013; toàn bộ diện tích hồ tôm nói trên là tài sản hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn T được tạo lập do lao động mà có.

Tuy nhiên, việc ban hành các Quyết định ở trên là trái pháp luật đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn T. Nên ông Nguyễn T đã khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất và giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T.

- Hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thị trấn C về việc đình chỉ mọi hoạt động đào, đắp, cải tạo tại hồ tôm.

- Hủy một phần kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 tại Mục 4.1 phần II, Mục 4.1 phần III và mục 1.3, Mục 1.4 phần IV. Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai tại thị trấn C.

- Buộc UBND thị trấn C chấm dứt hành vi hành chính về việc cản trở và xâm phạm vào các hoạt động sản xuất, đầu tư kỹ thuật, con giống tại hồ tôm;

- Buộc UBND thị trấn C phải bồi thường thiệt hại do hậu quả từ hành vi cản trở nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T và người khởi kiện đã đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc UBND thị trấn C chấm dứt hành vi hành chính về việc cản trở và xâm phạm vào các hoạt động sản xuất, đầu tư kỹ thuật, con giống tại hồ tôm; Buộc UBND thị trấn C phải bồi thường thiệt hại do hậu quả từ hành vi cản trở nói trên; Yêu cầu hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thị trấn C; Yêu cầu hủy một phần kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 của UBND huyện G.

Nay, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện:

Hủy bỏ Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất và giấy CNQSD đất cấp cho hộ

ông Nguyễn Thanh T.

Tại văn bản số 1252/UBND-NC ngày 12/10/2018, văn bản số 1559/UBND-NC ngày 04/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị khởi kiện trình bày:

Vào khoảng năm 1982 đến 1984 Ban quản lý Hợp tác xã thôn T, xã G (nay khu phố S, thị trấn C) hợp đồng với đơn vị X34 về san ủi đất trên cánh đồng muối để làm hồ. Trong thời gian thi công X34 gặp sự cố nên hai bên chấm dứt hợp đồng san ủi, diện tích mặt hồ khoảng 2.000m². Sau một thời gian cấp ủy thôn T thống nhất cho Hội Cựu chiến binh thôn trồng cây xung quanh bờ hồ để gây quỹ cho hội còn mặt hồ bỏ hoang.

Ngày 06/6/2001, cấp ủy, chính quyền thôn, HTX T lập biên bản mở thầu hồ nuôi tôm; biên bản họp chi bộ ngày 24/7/2001, biên bản họp dân ngày 10/8/2001 của thôn T thống nhất khai thác cây để cho nhân dân có đủ điều kiện đấu thầu, cải tạo hồ nuôi tôm; ngày 09/8/2001 UBND xã G ban hành thông báo về đấu thầu hồ nuôi tôm tại thôn T; ngày 17/8/2001 thôn T, dưới sự chứng giám của chính quyền địa phương lập biên bản bàn giao đất để làm hồ nuôi trồng thủy sản cho ông Nguyễn Thanh T, ngày 5/9/2001 bàn giao hồ nuôi tôm cho ông T với thời gian thuê 15 năm, số tiền thuê 5.000.000 đồng/năm. Trong quá trình sử dụng đất hộ ông T đã không nộp đầy đủ các khoản phí như đã thỏa thuận với chính quyền thôn T.

Tại hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất mà thôn, xã xác nhận vào đơn xin giao đất của ông Nguyễn Thanh T là đất hoang - UBND xã quản lý là không đúng với thực tế. Quá trình giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T tại Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 21/01/2002 tại tờ bản đồ số 21, số thửa 127 với diện tích 6.488m², thời hạn sử dụng là 15 năm trùng với thời gian hợp đồng thuê hồ nuôi tôm đã được xác lập giữa ông T và Ban quản lý T, không đúng với quy hoạch sử dụng đất được quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998, năm 2001 quy định căn cứ để quyết định giao đất, chưa có quyết định thu hồi, chưa bồi thường kinh phí xây dựng hồ tôm cho HTX T mà có hợp đồng thuê đất là trái pháp luật, như vậy là sai trình tự thủ tục; thời hạn sử dụng là 15 năm, đã được gia hạn thêm 50 năm là trái với quy định hiện hành.

Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp “...*thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai,...*”.

Từ những căn cứ trên, việc UBND huyện G đã ban hành kết luận Thanh tra số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai tại thị trấn C, trong đó có trường hợp của ông Nguyễn T và Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 về việc thu hồi hủy bỏ quyết định giao đất và cấp giấy CNQSD đất đã được UBND huyện cấp cho ông Nguyễn Thanh T là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại văn bản số 421/UBND-NC ngày 01/10/2018 Ủy ban nhân dân thị trấn Cửa V có ý kiến như sau:

Do Đoàn Thanh tra của UBND huyện G đang tiến hành kiểm tra xác minh thu thập thông tin có liên quan đến đất của 02 hồ tôm ở Khu phố S, thị trấn C. Ngày 27/5/2018 ông Nguyễn T cho xe cơ giới về đào đắp coi nói hồ tôm và cán bộ UBND thị trấn C có yêu cầu ông T tạm dừng nhưng ông T không chấp hành. Nên UBND thị trấn C đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về việc đình chỉ mọi hoạt động đào, đắp, cải tạo tại hồ tôm để chờ kết luận của Thanh tra. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của pháp luật thì thấy Quyết định trên không đúng, nên UBND thị trấn C đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 16/QĐ-UBND.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/10/2018 bà Hoàng Thị N, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Thu H3 trình bày:

Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T, do điều kiện không thể trực tiếp tham gia các phiên làm việc do Tòa án triệu tập để giải quyết các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 143, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc: Hủy bỏ Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất và giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T;

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc: Hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thị trấn C và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc UBND thị trấn C chấm dứt hành vi hành chính về việc cản trở và xâm phạm vào các hoạt động sản xuất, đầu tư kỹ thuật, con giống tại hồ tôm và bồi thường thiệt hại phát sinh do hành vi cản trở gây ra.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 của UBND huyện G về thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý sử dụng đất đai tại thị trấn C liên quan đến nội dung kết luận quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thanh T tại Mục 4.1 phần II, Mục 4.1 phần III và mục 1.3, Mục 1.4 phần IV.

UBND huyện G phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 15/11/2018, ngày 07/12/2018 và đối thoại ngày 07/12/2018, ngày 27/12/2018. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Thu H3 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.2. Về thời hiệu: Ngày 10/9/2018 ông Nguyễn Thanh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

1.3. Về thẩm quyền và đối tượng khởi kiện:

Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G là Quyết định hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc UBND thị trấn C chấm dứt hành vi hành chính về việc cản trở và xâm phạm vào các hoạt động sản xuất, đầu tư kỹ thuật, con giống tại hồ tôm và bồi thường thiệt hại phát sinh do hành vi cản trở gây ra; Yêu cầu hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thị trấn C; Yêu cầu hủy một phần kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 của UBND huyện G.

Căn cứ Điều 143 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu của người khởi kiện đã rút ở trên.

[2]. Về nội dung:

Xét Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G.

Thấy rằng: Ủy ban nhân dân huyện G căn cứ Kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai tại thị trấn C để ban hành Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 48/QĐ-UB ngày 21/01/2002 của UBND huyện G và Giấy CNQSD đất số U 579571 thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 21 diện tích 6.488m² đất nuôi trồng thủy sản (đất ao tôm) tại xã G (nay là thị trấn C) huyện G đã cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T; với lý do: *Quyết định giao đất và Giấy CNQSD đất đã cấp không đúng theo quy định của pháp luật.*

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện: Năm 2001 phong trào nuôi tôm sú đem lại hiệu quả kinh tế cao, ngày 09/8/2001 UBND xã G thông báo về việc đấu thầu nuôi tôm tại T; Ngày 05/9/2001 giữa cấp ủy, chính quyền thôn T, xã G với ông Nguyễn Thanh T lập biên bản về việc giao nhận làm hồ nuôi tôm tại thôn T, với thời gian là 15 năm và thu phí nộp địa phương là 5.000.000 đồng/năm; ngày 06/9/2001 ông Nguyễn T có đơn xin giao đất làm hồ nuôi tôm

là đất hoang chưa sử dụng (UBND xã quản lý) diện tích 6.488m² thời gian xin giao là 15 năm có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 21/01/2002 UBND huyện G ban hành Quyết định số 48/2002/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 579571 thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 21 diện tích 6.488m², thời hạn sử dụng đến tháng 12/2016.

Ngày 4/9/2015 ông Nguyễn T có đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất với lý do biến động là thay đổi tên lót và gia hạn thời gian sử dụng đất; trước khi biến động là hộ ông Nguyễn Thanh T, thời gian sử dụng đất tháng 12/2016; sau khi biến động hộ ông Nguyễn T, thời hạn sử dụng đất tháng 12/2066 có xác nhận của chính quyền địa phương thị trấn C và ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai là đủ điều kiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Ngày 28/6/2016 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện G ghi vào những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận là tiếp tục sử dụng đất đến ngày 01/12/2066. Như vậy, về trình tự thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013 và thời hạn sử dụng đất theo Điều 126 Luật đất đai năm 2013.

Việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 để thu hồi, hủy bỏ Quyết định cấp đất và Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh T là không có cơ sở. Vì Quyết định này đã có hiệu lực và các bên đã thực hiện đến năm 2016.

Tại phiên đối thoại cũng như tại phiên tòa người bị khởi kiện thừa nhận việc ban hành Quyết định giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn T là đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục, hết thời hạn sử dụng đất thì hộ ông Nguyễn T đã làm thủ tục xin gia hạn thêm thời gian sử dụng là đúng trình tự và thẩm quyền ban hành của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện G đã đồng ý gia hạn đến tháng 12/2066. Tuy nhiên, UBND huyện G cho rằng do nguồn gốc đất là của HTX T thuộc xã G chưa có quyết định thu hồi mà giao cho người khác sử dụng cũng như thời hạn sử dụng đất là trái với quy định Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998, năm 2001 là không có cơ sở; hơn nữa, UBND huyện G không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T đã được Nhà nước giao cho HTX T sử dụng hoặc đã được kê khai sử dụng với thửa đất trên.

Từ những căn cứ trên, thấy rằng: Việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất và giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T là không đúng, không đảm bảo tính căn cứ pháp lý làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Thanh T; do đó, cần phải được hủy bỏ. Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T được chấp nhận nên UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, khoản 2 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T (Nguyễn Thanh T).

Hủy Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc: Buộc UBND thị trấn C chấm dứt hành vi hành chính về việc cản trở và xâm phạm vào các hoạt động sản xuất, đầu tư kỹ thuật, con giống tại hồ tôm; buộc bồi thường thiệt hại do hậu quả từ hành vi cản trở nói trên;

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của UBND thị trấn C.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc: Hủy một phần kết luận số 804/KL-UBND ngày 11/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện G tại Mục 4.1 phần II, Mục 4.1 phần III và mục 1.3, Mục 1.4 phần IV. Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng đất đai tại thị trấn C.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

UBND huyện G phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn T (Nguyễn Thanh T) số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000563 ngày 24/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCCĐN;
- Cục THADS tỉnh Q. Trị;
- VKSND tỉnh Q. Trị;
- VKSNDCCĐN;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng GDKT;
- Lưu hồ sơ, TDS, THC
- Tổ HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh